

**CÔNG TY TNHH TRANSO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRANSO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRANSO COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TRANSO CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110612100

**3. Ngày thành lập:** 24/01/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà A2 – Lô C8, Phố Nguyễn Cảnh Dị, Khu đô thị mới Đại Kim , Phường Đại Kim,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0833303998

Fax:

Email: [Tranzo.1368hvn@gmail.com](mailto:Tranzo.1368hvn@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                 | 4511                                                         |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                    | 4512                                                         |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá xe)                                                                                                                                                                                                                | 4513                                                         |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                 | 4520                                                         |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                  | 4530(Chính)                                                  |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động môi giới bảo hiểm, chứng khoán; trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                        | 4610                                                         |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Loại trừ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế)                                                                                                                                                                                  | 4659                                                         |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                 | 8299                                                         |
| 9.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                      | 7212                                                         |
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                 | 7410                                                         |
| 11. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                   | 4690                                                         |
| 12. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                      | 4730                                                         |
| 13. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                             | 4791                                                         |
| 14. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                      | 4933                                                         |
| 15. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                    | 5210                                                         |
| 16. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                               | 5224                                                         |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>Chi tiết : Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ                                                                                                                                                 | 5225                                                         |
| 18. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                 | 7730                                                         |
| 19. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên   | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                 | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ KHÁNH MINH    | Việt Nam  | Số 8 Ngõ 16/3, Phố Thượng Thụy, Tổ 2 Cụm 1, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 750.000.000           | 15,000    | 001080003774                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN TIẾN ĐẠT  | Việt Nam  | Tổ Dân Phố Thắng, Thị trấn Tân An, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                            | 750.000.000           | 15,000    | 024094004461                                                                                            |         |
| 3   | NGUYỄN TRẦN HIẾU | Việt Nam  | Số 42 Phan Đình Phùng, Khối 1, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam       | 3.500.000.000         | 70,000    | 020073001597                                                                                            |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN ĐẠT

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 27/10/1994

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024094004461

Ngày cấp: 09/01/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Tổ Dân Phố Thắng, Thị trấn Tân An, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: Nhà Ông Nguyễn Văn Xuyên, Tổ Dân Phố Thắng, Thị trấn Tân An,  
Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội